

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU MÔN TIẾNG ANH LỚP 11  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

**pdfMachine**

**A pdf writer that produces quality PDF files with ease!**

Produce quality PDF files in seconds and preserve the integrity of your original documents. Compatible across nearly all Windows platforms, if you can print from a windows application you can use pdfMachine.

Get yours now!

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG NGA LỚP 11**  
**TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  
**(ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2007 - 2008)**

**I. Mục đích**

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy môn tiếng Nga cho THPT chuyên;
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

**II. Kế hoạch dạy-học**

Tổng số tiết: 150% số tiết của chương trình nâng cao (NC) = **4tiết/tuần (NC) x 150% = 6 tiết/tuần x 35 tuần = 210 tiết.**

Trong đó:

- **Học kỳ I: 18 tuần x 6 tiết/tuần = 108 tiết**
- **Học kỳ II: 17 tuần x 6 tiết/tuần = 102 tiết**

**III. Nội dung giảng dạy**

**III.1. Cấu trúc nội dung giảng dạy:**

Nội dung dạy học môn tiếng Nga cho các trường THPT chuyên ngữ được xây dựng trên cơ sở:

- Chương trình (CT) và Sách giáo khoa (SGK) môn tiếng Nga nâng cao.
- Mở rộng và khai thác sâu hơn kiến thức ngôn ngữ của chương trình nâng cao.
- Nâng cao yêu cầu đối với kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (khẩu ngữ, đọc hiểu, viết).

### III.2. Nội dung chuyên sâu:

#### CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11

*Số tiết dành cho chuyên sâu: 2 tiết/tuần x 35 tuần = 70 tiết*

NỘI DUNG NÂNG CAO		NỘI DUNG CHUYÊN SÂU
Nội dung giao tiếp	Nội dung ngôn ngữ	
Nói ai tự giới thiệu	представляться - представиться; представлять - представить; представитель, представление	Sử dụng thành thạo các cặp động từ "представять - представить". "представяться - представиться" và từ cùng gốc với những ý nghĩa khác nhau.
Nói cái gì làm ai khác biệt với ai	отличать - отличить; отличаться - отличаться; в отличие, отличительный; исполняться - исполниться; связываться - связаться	Sử dụng thành thạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói hành động, hiện tượng chuyển đổi lẫn nhau	... то ..., ... то ... то есть; удаваться - удаться	Bổ sung thêm "то ли ..., то ли ...". Sử dụng thành thạo học liệu mới của bài trong các văn cảnh khác nhau.
Nói ai bị bệnh gì	болеть (болен) чем? нездоровиться, жаловаться - пожаловаться; продолжение, продолжительность;	Bổ sung từ "жалоба, заболевание, ...". Sử dụng thuần thục học liệu mới trong giao tiếp thực tế.
Nói hy vọng vào ai, điều gì	надеяться-понадеяться; надёжный; надёжность; сбываться - сбыться; накапливать - накопить	Sử dụng thuần thục, chính xác học liệu mới trong các tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói cái gì làm thay đổi ai (cái gì)	изменять - изменить; изменяться - измениться; менять - поменять	Bổ sung danh từ cùng gốc "платность, бесплатность, изменчивый, ...".

	платный, бесплатный, льготный	Sử dụng thuần thực, chính xác học liệu mới vào các tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói bắt buộc ai phải làm gì	заставлять - заставить; вынужден (-а, -ы); приходиться - прийтись	Bổ sung "вынужденность, должно быть, ...". Sử dụng chính xác và thành thạo "вынужден, должен" trong các văn cảnh cụ thể với ý nghĩa khác nhau.
Nói cái gì thuộc về ai	принадлежать; принадлежность; собственный, собственность, собственник; частный; служебный	Sử dụng thuần thực, chính xác học liệu mới vào các tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói ai khâm phục, tự hào về ai, cái gì	восхищать(ся) - восхитить(ся); восхищение; восхитительный; гордиться, гордость, гордый; приходить - прийти в восхищение; приводить - привести в восхищение	Vận dụng thành thạo từ cùng gốc, tập hợp từ cố định vào thực tế giao tiếp.
Nói làm cái gì trở thành thế nào	улучшать(ся) - улучшить(ся); (с)делать что чем (кого кем)?	Bổ sung "делаться - сделаться; улучшение; ухудшение; повышение; увеличение; ...". Sử dụng thành thạo từ cùng gốc (động từ, động từ có "-ся", danh từ) để chuyển đổi câu có cùng nội dung.
Nói cái gì treo ở đâu	висеть; вешать - повесить; класть - положить; ставить - поставить; ... цена, ценность, ценный, оценивать - оценить	Nắm vững và biết vận dụng thành thạo các cặp động từ liên quan chỉ trạng thái và thay đổi tư thế (лежать - класть; стоять - ставить; ...)
Nói rõ hơn về người (I)	... тот, кто ...	Sử dụng thành thạo cấu trúc với những biến đổi đa dạng vào các tình huống giao tiếp khác nhau.

		Tăng thêm cách nói có trật tự ngược (Кто не работает, тот не ест.)
Nói rõ hơn về sự vật (I)	. . . то, что . . .	Sử dụng thành thạo cấu trúc với những biến đổi đa dạng vào các tình huống giao tiếp khác nhau. Tăng thêm cách nói có trật tự ngược (Что в уме, то на языке.)
Nói cho phép hoặc cấm ai làm gì	разрешаться - разрешиться; запрещаться - запретиться; разрешено, запрещено; позволять - позволить; мало кто, мало что, мало где, ...	- Sử dụng thành thạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ đề đang học.
Nói làm ai lo lắng hoặc yên lòng	беспокоить (ся) успокаивать (ся) - успокоить (ся) беспокойство; давать покой, оставлять в покое; ...	- Sử dụng thành thạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung một số cách nói tương đương có liên quan tới chủ đề đang học.
Nói ai bình phục, khỏi bệnh	поправляться - поправиться; выздоровливать - выздороветь; приходить - прийти в сознание; терять - потерять сознание	- Sử dụng thành thạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ đề đang học.
Nói rõ hơn về thời gian	. . . до того как . . . . . . после того как . . . . . . с тех пор как . . . . . до тех пор, пока не . . . . . в то время как . . . . . . в то время когда . . .	- Sử dụng thành thạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ đề đang học.

Nói rõ hơn về phương hướng, địa điểm	. . . туда (оттуда, . . .), где (куда, откуда) . . . . . . там (внизу, . . .), где (куда, откуда) . . .	- Sử dụng thuần thực, đa dạng học liệu mới vào các tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung thêm từ liên quan (везде, всюду, вверх, . . .).
Thảo luận, thuyết phục và thỏa thuận với ai điều gì.	обсуждать - обсудить; обсуждение; уговаривать-уговорить; договариваться - договориться; договорённость, договор	Phân biệt ý nghĩa, cách dùng và rèn luyện vận dụng thành thạo các cặp động từ và một số từ cùng gốc trong thực tế giao tiếp.
Nói cảm nhận chủ quan hoặc thực tế khách quan	казаться - показаться; оказываться - оказаться; на самом деле; в действительности	- Luyện tập sử dụng thành thực học liệu mới trong những tình huống giao tiếp cụ thể. - Bổ sung một số cách nói có liên quan đến chủ đề của bài học.
Nói cân, đo, tính toán	взвешивать - взвесить; измерять - измерить; считать - сосчитать; обращаться - обратиться; пусть (пускай) . . .	- Phân biệt ý nghĩa, sử dụng thành thạo рщоч học liệu mới trong giao tiếp. - Bổ sung một số cách nói thường dùng trong cuộc sống hàng ngày thuộc chủ đề đang học.
Nói ai tưởng tượng điều gì	представлять - представить себе; воображать - вообразить, воображение; фантазировать - сфантазировать, фантазия, фантазёр, фантастика	- Biết cách thay thế bằng các cách nói tương đương và sử dụng thuần thực trong giao tiếp thực tế. - Bổ sung thêm từ vựng có liên quan đến nội dung đang học.

## CHUẨN KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG LỚP 11

<i>Chủ đề (Hành động lời nói)</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Nói ai tự giới thiệu	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng động từ <i>представляться - представиться;</i> <i>представление, представитель</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thành thạo động từ trên trong thực tế giao tiếp. (Ребята, разрешите мне представиться.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề</b> <b>(Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói về sự khác biệt	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng các động từ  <i>отличать - отличить, отличаться - отличиться, отличие, отличительный.</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thành thạo các phương tiện ngôn ngữ trên để thực hiện những nhiệm vụ giao tiếp cụ thể. (Короткие волосы отличают Иру от Веры. Ира отличается от Веры своими короткими волосами.)  - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.  - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: особенность, черта, исполнение, исполнитель, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>



<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói hành động, hiện tượng chuyển đổi lẫn nhau	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng cấu trúc có ...  <i>то ... , ... то ...</i></p> <p>- Ý nghĩa và cách dùng của giới từ "<i>при</i>" cách 6.</p> <p>- Ý nghĩa và cách dùng cấu trúc "<i>кому + удаётся + что делать</i>".</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng thành thạo cấu trúc có ...<i>то ... , ... то ...</i> để diễn tả sự chuyển đổi lẫn nhau của hành động hoặc hiện tượng. (Олег то на скрипке, то на гитаре играет.)</p> <p>- Biết sử dụng giới từ <i>при</i> cách 6 để chỉ thời gian. (При строительстве новых районов архитекторы стараются сохранить часть леса.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề (Hành động lời nói)</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Nói ai bị bệnh gì	<p>Kiến thức: Ý nghĩa, cách sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ <i>болеть</i> - <i>заболеть чем?</i></li> <li>- Dạng rút gọn của tính từ <i>больной</i></li> <li>- Một số từ và cách nói có liên quan đến chủ đề: <i>лечить(ся)</i> - <i>вылечить(ся)</i>; <i>нездоровиться</i>; <i>жаловаться</i> - <i>пожаловаться</i>.</li> </ul> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng thành thạo các phương tiện ngôn ngữ này để giải quyết nhiệm vụ giao tiếp trong những tình huống cụ thể. (Павлик болеет гриппом. Лена больна ангиной; Врач лечит мальчика от гриппа.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan đến nội dung đang học: <i>жалоба, препарат, лечение, . .</i></li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>

<b>Chủ đề</b> <b>(Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói hi vọng vào ai, điều gì	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng của động từ <i>"надеяться"</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa và cách dùng tập hợp <i>"выражать надежду, в надежде"</i></li> <li>- Ý nghĩa và cách dùng giới từ <i>"под"</i> cách 4 và giới từ <i>"под"</i> cách 5.</li> </ul> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thuần thục cách nói <i>надеяться на кого-что, что делать</i> để nói hi vọng vào ai, điều gì. (Я надеюсь на Виктора. Я надеюсь увидеть Виктора.)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản.</li> <li>- Viết luận có chủ đề liên quan tới nội dung đang học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>надёжность, надёжный, . . .</i></li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>

<i><b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b></i>	<i><b>Mức độ cần đạt</b></i>	<i><b>Ghi chú</b></i>
Nói cái gì làm thay đổi ai (cái gì)	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng các động từ  <i>изменять - изменить, изменяться - измениться, изменение, менять(ся) - поменять(ся)</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng cách nói trên trong các tình huống giao tiếp cụ thể. (Компьютер изменяет нашу жизнь. Город изменяется с каждым днём.)  - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.  - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>изменчивость, изменчивый, хранение, охрана, . . .</i></p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề</b> <b>(Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói buộc ai phải làm gì Nói ai buộc phải làm gì	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng động từ <i>заставлять</i> - <i>заставить</i> và dạng rút gọn của tính từ <i>вынужденный</i>.</p> <p>- Ý nghĩa, cách dùng cấu trúc: кому + приходится + что делать.</p> <p>- Phân biệt sắc thái ý nghĩa của "вынужден" và "должен".</p> <p>Kỹ năng: - Có kỹ năng vận dụng chính xác các phương tiện ngôn ngữ trên trong giao tiếp. (Дождь заставил нас изменить план. Мы вынуждены вернуться домой.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói sở hữu thuộc về ai	<p><b>Kiến thức:</b> - Ý nghĩa và cách dùng khác nhau của động từ <i>принадлежать</i> và từ cùng gốc <i>принадлежность</i>.</p> <p>- Ý nghĩa, cách sử dụng từ: <i>собственный, собственность, собственник; частный; служебный</i>.</p> <p><b>Kĩ năng:</b> - Biết sử dụng thuần thục cách nói <i>принадлежать кому, к чему</i> trong thực tế giao tiếp. (Коллекция принадлежит Антону. Л. Толстой принадлежит к числу лучших русских писателей.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>собственность, собственный, собственник, частный, частность, приватизация, ...</i></p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i><b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b></i>	<i><b>Mức độ cần đạt</b></i>	<i><b>Ghi chú</b></i>
Nói ai khâm phục, tự hào về ai, cái gì	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng các động từ: <i>восхищать(ся) - восхитить(ся), гордиться</i> và những từ cùng gốc: <i>восхищение, восхитительный, гордость, гордый</i>.</p> <p>- Ý nghĩa và cách dùng tập hợp: <i>приходить - прийти в восхищение, приводить - привести в восхищение</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thành thạo động từ <i>восхищать кого чем; восхищаться кем, чем; гордиться кем, чем</i> để diễn đạt sự khâm phục, tự hào về điều gì. (Артисты восхищают зрителей своим выступлением. Слушатели восхищаются талантом музыканта. Ученики гордятся своим учителем.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề</b> <b>(Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói làm cái gì trở thành thế nào	<p>Kiến thức: Ý nghĩa, cách sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động từ <i>делать</i> - <i>сделать</i> trong cấu trúc <i>делать что лучше (хуже)</i>,</li> <li>- Động từ <i>становиться</i> - <i>стать</i> và các động từ kiểu <i>улучшать</i> - <i>улучшить</i>, <i>улучшаться</i> - <i>улучшиться</i>, . . . thể hiện nội dung tương đương.</li> </ul> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng thuần thục các phương tiện ngôn ngữ này vào giao tiếp hàng ngày. (Зелень делает город красивее. После дождя погода всегда становится лучше.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>делаться</i> - <i>сделаться</i>; <i>улучшение</i>; <i>ухудшение</i>; <i>повышение</i>; <i>увеличение</i>; . . .</li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>



<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói cái gì treo ở đâu	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách sử dụng các động từ <i>висеть, вешать</i> - <i>повесить</i>.</p> <p>- Ý nghĩa và cách sử dụng các động từ : <i>превращать(ся)</i> - <i>превратить(ся)</i>, <i>оценивать</i> - <i>оценить</i>, <i>передавать</i> - <i>передать</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng các phương tiện ngôn ngữ trên một cách thành thạo trong các tình huống giao tiếp cụ thể. (Костюм висит в шкафу. Антон вешает костюм в шкаф.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói rõ hơn về người	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng đa dạng của cấu trúc có ... <i>тот, кто</i> ... .</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng thành thạo cấu trúc này để nói rõ hơn, cụ thể hơn về người trong các tình huống giao tiếp khác nhau. (Мне нравится тот, кто всегда заботится о других. Мы любим тех, у кого широкие знания.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng: Tăng thêm câu nói có trật tự phân chính phụ khác nhau (кто работает, тот есть).</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: награждение, присуждение, приз, заслуживать - заслужить, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói rõ hơn về sự vật	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng đa dạng của:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc có ... <i>то, что</i> ...</li> <li>- Động từ chuyển động có tiền tố <i>no-</i></li> </ul> <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng cấu trúc này trong giao tiếp để nói rõ hơn, cụ thể hơn về sự vật. (Это именно то, что я хотел купить. Я интересуюсь тем, о чём говорят друзья.)</li> <li>- Biết sử dụng động từ chuyển động có tiền tố <i>no-</i> để nói “bắt đầu chuyển động” trong các tình huống giao tiếp cụ thể. (Мальчики испугались и побежали звать взрослых.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng bút ngữ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói cho phép hoặc cấm ai làm gì	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng của:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- động từ <i>разрешаться</i> - <i>разрешиться</i>, <i>запрещаться</i> - <i>запретиться</i> và các từ cùng gốc (разрешение, разрешено, запрещено).</li> <li>- Động từ <i>позволять</i> - <i>позволить</i>; <i>давать</i> - <i>дать что делать</i>;</li> <li>- danh từ có <i>-ик</i> và <i>-ка</i>.</li> </ul> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng các phương tiện ngôn ngữ này để nói cho phép hoặc cấm ai làm gì trong các tình huống giao tiếp cụ thể thường gặp hàng ngày. (Здесь курение разрешается/запрещается. Здесь курить разрешено/запрещено.)</li> <li>- Biết sử dụng danh từ có <i>-ик</i> và <i>-ка</i> (домик, берёзка, ...) để biểu đạt sắc thái nhỏ bé, trìu mến trong giao tiếp.</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>запрещение, запретительный, . . .</i></li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>

<b>Chủ đề</b> <b>(Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói ai bình phục, khỏi bệnh	<p><b>Kiến thức:</b> - Ý nghĩa và cách dùng các cặp động từ <i>поправляться - поправиться, выздоравливать - выздороветь</i> và các từ cùng gốc (<i>выздоровление, нездоровиться</i>).</p> <p>- Ý nghĩa, cách dùng tập hợp: <i>приходить - прийти в сознание; терять - потерять сознание</i></p> <p><b>Kĩ năng:</b> - Biết sử dụng các động từ này trong những tình huống giao tiếp cụ thể. (После операции Лена быстро поправляется. По словам врача через неделю Коля выздоровеет.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: <i>приводить</i></p> <p>- <i>привести кого в сознание; сознательный, сознательно, . . .</i></p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói rõ hơn về thời gian	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng các liên từ <i>пока; в то время как; до того как; после того как; с тех пор как; до тех пор, пока не; в то время когда; . . .</i></p> <p>- Ý nghĩa, cách dùng động từ và từ cùng gốc: усваивать - усвоить, усвоение; дополнять - дополнить, дополнение, дополнительный</p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thuần thục câu phức với các liên từ này vào thực tế giao tiếp trong trường hợp muốn giải thích rõ hơn, cụ thể hơn, trả lời câu hỏi <i>когда? с каких пор? до каких пор?</i> (До того как начнутся каникулы, мы должны сдавать экзамены. С тех пор как Аня уехала из Москвы, прошло 5 лет.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: овладевать - овладеть, овладение; . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói rõ hơn về phương hướng, địa điểm	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng cấu trúc có:  ... <i>туда, где (куда, откуда)</i> ...  ... <i>оттуда, где (куда, откуда)</i>...  ... <i>там, где (куда, откуда)</i> ...  ... <i>везде, где (куда, откуда)</i> ...  - Ý nghĩa, cách dùng của động từ và từ cùng gốc: <i>выращивать - вырастить; восстанавливать - восстановить; восстановление; . . .</i></p> <p>Kĩ năng: - Có kĩ năng sử dụng thành thạo học liệu để nói nhấn mạnh, nói rõ hơn về phương hướng, địa điểm, trả lời câu hỏi <i>куда? где? откуда?</i> (Мы идём туда, где живёт наш дедушка. Мы отдыхаем там, куда пришёл наш дедушка.)  - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.  - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.  - Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.  - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.  - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.  - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b>	<b>Mức độ cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Nói cảm nhận chủ quan hoặc thực tế khách quan	<p>Kiến thức: - Ý nghĩa và cách dùng của các cặp động từ: <i>казаться - показаться, оказываться - оказаться.</i></p> <p>- Ý nghĩa, cách dùng tập hợp: <i>на самом деле, в действительности</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thuần thục cách nói <i>казаться - показаться, оказываться - оказаться кем-чем, каким; ... , что...</i></p> <p>để giao tiếp trong các tình huống cụ thể. (Он оказался нашим соседом. Мне кажется, что вчера ночью был дождь.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>



<i><b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b></i>	<i><b>Mức độ cần đạt</b></i>	<i><b>Ghi chú</b></i>
Nói làm ai lo lắng hoặc yên lòng	<p>Kiến thức: Ý nghĩa và cách dùng các động từ, tập hợp từ:  <i>беспокоить, беспокойство;</i>  <i>успокаивать - успокоить;</i>  <i>давать покой, оставлять в покое; ...</i></p> <p>Kĩ năng: - Có kĩ năng sử dụng thành thạo học liệu trong giao tiếp thực tế. (Здоровье ребёнка беспокоит маму. Совет врача успокаивает больного.)  - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.  - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và trình bày dưới dạng viết.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i><b>Chủ đề (Hành động lời nói)</b></i>	<i><b>Mức độ cần đạt</b></i>	<i><b>Ghi chú</b></i>
Thảo luận, thuyết phục và thoả thuận với ai điều gì	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các động từ, từ cùng gốc.  <i>обсуждать - обсудить;</i>  <i>уговаривать - уговорить;</i>  <i>договариваться - договориться,</i>  <i>договорённость, договор;</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thành thạo các phương tiện ngôn ngữ trên trong các tình huống giao tiếp cụ thể. (Мы обсуждаем план работы.  Миша уговорил сестру пойти в лес.  Антон договорился с Ниной о встрече.)  - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.  - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản và thể hiện dưới dạng viết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</li> <li>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</li> <li>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</li> <li>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học.</li> <li>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>

## IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

### IV.1. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho lớp 11 là 210 tiết. Trong đó 140 tiết học theo chương trình lớp 11 THPT nâng cao, số 70 tiết còn lại dành dành cho việc mở rộng kiến thức và luyện tập kỹ năng chuyên sâu. Việc phân chia cụ thể số tiết học cho mỗi phần mở rộng chuyên sâu phụ thuộc vào đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của từng trường.

Giữa Học kỳ I, II cần tiến hành kiểm tra giữa kỳ theo hình thức nói và viết.

### IV.2. Nội dung giảng dạy

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, nội dung tài liệu dạy học sẽ được lựa chọn (hoặc biên soạn) trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp yêu cầu và trình độ cụ thể của học sinh tại địa phương, phát huy tối đa năng lực người học, đồng thời vẫn đảm bảo tính vừa sức, không áp đặt.

Với chủ chương phát huy toàn diện năng lực của người học, cũng như với đặc thù của bộ môn ngoại ngữ, các nội dung nghe, nói và đọc phải tạo độ mở cho việc lựa chọn tài liệu dạy các kỹ năng này theo định hướng cá thể hoá dạy học. Tuy nhiên, các giáo viên cần quan tâm đến độ phức tạp của các hiện tượng ngôn ngữ, cũng như các chủ đề phải sát hợp với nội dung chương trình tiếng Nga nâng cao. Nội dung cho kỹ năng đọc được lựa chọn theo cách mở rộng và tập trung vào chủ đề của các bài nâng cao cho lớp 11.

### IV.3. Nội dung chương trình chuyên được xây dựng trên cơ sở:

- Nội dung chương trình nâng cao theo những luận điểm cơ bản của phương hướng giao tiếp cá thể hóa:
  - . Năng lực giao tiếp là mục đích cuối cùng của quá trình dạy học, còn năng lực ngôn ngữ chỉ quan trọng như phương tiện cần thiết cho năng lực giao tiếp.
  - . Lấy hành động lời nói, chương trình ứng xử lời nói và văn bản có nội dung theo chủ điểm giao tiếp làm đơn vị cơ bản dạy-học.
  - . Ngữ liệu được lựa chọn theo chức năng, đảm bảo hai nguyên tắc cơ bản: có giá trị giao tiếp và cần thiết về mặt ngôn ngữ, được trình bày theo chủ điểm giao tiếp và được phân bố theo những vòng tròn đồng tâm.
  - . Đảm bảo nội dung ngôn ngữ đất nước học và vận dụng triệt để nguyên tắc cá thể hoá dạy-học.
- Tuân thủ nguyên tắc không phá vỡ tính hệ thống của chương trình chuẩn theo công thức 4 + 2 cho từng bài nhằm mục tiêu:

- . Khai thác sâu hơn hiện tượng ngôn ngữ đang học, tăng khối lượng từ vựng có liên quan tới chủ đề đang học.
- . Nâng cao chất lượng kỹ năng khẩu ngữ thông qua việc bổ sung các loại bài tập đa dạng cho phần "Работа над речевым действием".
- . Nâng cao chất lượng kỹ năng đọc hiểu thông qua việc bổ sung tiểu văn bản (nếu cần) cùng bài tập đi kèm cho phần "Работа над текстом".

#### **IV.4. Phương pháp và phương tiện dạy học theo chương trình chuyên cần phải:**

- Đảm bảo tính thực hành giao tiếp tích cực trong quá trình dạy học.
- Đảm bảo kết hợp thực hành rèn luyện kỹ năng giao tiếp với trang bị kiến thức ngôn ngữ có hệ thống để phát huy tính tự giác, tích cực trong quá trình hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga và phát triển năng lực trí tuệ của học sinh.
- Tính đến đặc thù của dân tộc Việt Nam trên các mặt ngôn ngữ, tâm lý, văn hóa và tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, tận dụng mặt chuyển di tích cực và hạn chế mặt chuyển di tiêu cực trong quá trình dạy học.
- Thiết bị dạy học cần đạt những yêu cầu cơ bản sau đây:
  - . Có bộ sách giáo khoa đảm bảo về chất lượng và đủ về số lượng cho giáo viên và học sinh.
  - . Có đủ bộ tranh, ảnh, bản đồ, biểu bảng, ... và băng tiếng, băng hình, phần mềm máy vi tính, v.v....

#### **IV.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

***Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ về kiểm tra đánh giá các môn học THPT.***

- Việc kiểm tra, đánh giá phải tuân thủ mục tiêu dạy học. Các bài kiểm tra phải nhằm kiểm tra 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ qui định theo nội dung chương trình môn học.
- Đa dạng các hình thức kiểm tra. Có ưu tiên cho loại hình trắc nghiệm khách quan, nhưng cần sử dụng phù hợp với từng loại kiến thức, kỹ năng và mục đích kiểm tra. Có tỷ lệ thích đáng cho hình thức kiểm tra tự luận trong kỹ năng viết và đọc.
- Nội dung kiểm tra đánh giá phải là kỹ năng thực hiện các hành động lời nói gắn kết tạo nên chương trình ứng xử lời nói trong các tình huống giao tiếp cụ thể và kỹ năng đọc hiểu, phù hợp với yêu cầu và mức độ của chương trình ở thời điểm kiểm tra đánh giá.
- Kiểm tra đánh giá phải thông qua hoạt động lời nói dưới dạng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Nga.
- Mức độ hoàn thiện của khả năng giao tiếp là căn cứ đánh giá chủ yếu, chuẩn mực ngôn ngữ là thứ yếu.

#### **IV.6. Tài liệu tham khảo**

- Chương trình và SGK tiếng Nga đại trà
- Chương trình và SGK tiếng Nga nâng cao
- Sách dạy tiếng Nga cho người nước ngoài của các Nhà xuất bản trong và ngoài nước có hệ thống chủ điểm, nội dung ngôn ngữ, đất nước học tương đương chương trình nâng cao..
- Tài liệu, sách dạy tiếng Nga có khả năng phục vụ mục tiêu chính được đặt ra.
- Tài liệu đất nước học và những tác phẩm văn học Nga trong khuôn khổ chương trình Tiếng Nga nâng cao, đồng thời phù hợp trình độ và lứa tuổi của học sinh.